

Số: 93/2021/HC-PT

Ngày: 09/03/2021

V/V: “KH kiện quyết định thu hồi đất  
và bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Vân Hương;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Sơn;  
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Phạm Thành Trung, Thư ký  
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*  
Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội  
xét xử công khai vụ án Hành chính thụ lý số 521/2020/TLPT-HC ngày 06 tháng  
10 năm 2020 về việc “KH kiện quyết định thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ giải  
phóng mặt bằng” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án Hành chính  
sơ thẩm số 02/2020/HCST ngày 04/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2500/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng  
3 năm 2021, giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:** Ông Bùi Văn A, địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh  
H. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị S, địa  
chỉ: thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư H,  
Văn phòng luật sư Ph, Đoàn luật sư thành phố H; Có mặt tại phiên tòa.

**\* Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện Z; trụ sở: Phố P, thị trấn Z, huyện  
Z, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trần V, Phó chủ tịch  
UBND huyện Z. Có mặt tại phiên tòa.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân xã Y; địa chỉ: thôn Xuân Quế, xã Y, huyện Z, tỉnh H.

Người đại diện: Ông Đinh N, Chủ tịch. Có mặt.

- Bà Lê Thị L; địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H- Người đại diện theo ủy quyền của bà L- Bà Nguyễn Thị S, địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H. Vắng mặt.
- Ông Bùi Ngọc X; địa chỉ: phố Ph, phường B, thành phố H, tỉnh H. Vắng mặt.
- Bà Bùi Thị Thoa; địa chỉ: thôn Lũ Sơn, xã G, huyện G, tỉnh H. Vắng mặt.
- Bà Bùi Thị Y; địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh T. Vắng mặt.
- Ông Hoàng Văn A, bà Phạm Thị M; địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H. Vắng mặt.
- Bà Đinh Thị M Hoan; địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện N, tỉnh H. Vắng mặt.
- Ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị Thanh B; địa chỉ: thôn X, Quỳnh Lim, huyện Z, tỉnh H. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại các Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 về việc thu hồi đất bổ sung và Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 về việc phê duyệt bổ sung dự toán, phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ XX đoạn GG - Z, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Z, tỉnh H đã thu hồi và bồi thường, hỗ trợ về đất thu hồi đối với các hộ gia đình bà Đinh Thị MH; hộ ông Nguyễn Trọng H, hộ bà Nguyễn Thị Thanh B; hộ ông Hoàng Văn A, bà Đinh Thị M.

Ngày 26/12/2019, ông Bùi Văn A khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định nêu trên; yêu cầu UBND huyện Z điều chỉnh tên tại phương án bồi thường, hỗ trợ trả lại cho gia đình ông Bùi Văn A phần diện tích đất mà UBND huyện Z đã thu hồi và lập phương án bồi thường cho 3 hộ: bà MH; ông H, bà B; ông Việt, bà M. Lý do khởi kiện:

Năm 1976, cha của ông là cụ Bùi Văn T cùng gia đình chuyển đến xã Y, huyện Z, tỉnh H S sống. Cụ T đã làm đơn và được xã Y cấp đất, đo đạc năm 1985 diện tích thực tế sử dụng là 880m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 194. Năm 1991, UBND huyện Z thực hiện Dự án mở rộng đường 59 thành đường Quốc lộ XX và lắp đặt các công trình công cộng dưới mặt đất (Quyết định 135- chiến dịch đường thông, hè thoáng), nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường về đất theo quy định của pháp luật, mà chỉ phối hợp với UBND xã vận động các hộ dân dọc tuyến đường tự giao đất cho chính quyền địa phương. Phần lớn các hộ dọc tuyến đường 59 cũ đã hưởng ứng và lùi vào một phần đất theo chỉ đạo của địa phương. Gia đình ông lùi vào 155m<sup>2</sup> đất, diện tích đất còn lại là 725m<sup>2</sup>. Việc mở rộng đường và lắp đặt các công trình phụ này hoàn thiện vào năm 1991.

Sau khi bị thu hồi đất (năm 1991), ông chuyển nhượng một phần đất của mình cho các hộ sau: hộ ông Hồng thửa đất số 82, tờ bản đồ số 49 do ông Nguyễn Trọng H quản lý; hộ bà Khuyên thửa đất số 83, tờ bản đồ số 49 do bà Đinh Thị M Hoan quản lý; hộ ông Hà Duy Phúc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 49 do ông Hoàng Văn A quản lý. Trong đó, thửa đất do hộ ông H, hộ bà Hoan, hộ ông Việt quản lý có một mặt giáp với Quốc lộ XX. Diện tích còn lại của gia đình ông là 128.8m<sup>2</sup> thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 49. Năm 2002, gia đình ông và các hộ nhận chuyển

nhượng đất được UBND huyện Z cấp GCNQSD đất mới, theo diện tích đã đo đạc lại, trong đó có một phần diện tích đất nằm trong hành lang an toàn giao thông theo dự án xây dựng đường Quốc lộ 12B qua địa bàn xã Y được Nhà nước phê duyệt năm 2002.

Năm 2017, UBND huyện Z ban hành Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 14 tháng 06 năm 2017 về thu hồi đất để giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ XX đoạn GG- Z qua xã Y. UBND huyện Z chỉ thu hồi phần diện tích trong hành lang an toàn giao thông theo bản đồ địa chính năm 2002.

Năm 2019, UBND huyện Z ban Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 (gọi tắt là Quyết định số 83) về việc thu hồi đất bổ sung để GPMB thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Quốc lộ XX đoạn GG- Z. Theo đó, hộ ông H bị thu hồi thêm 27m<sup>2</sup> đất, hộ bà Hoan bị thu hồi thêm 27.7m<sup>2</sup> đất, hộ ông Việt bị thu hồi thêm 38,6m<sup>2</sup> đất, trong khi đây là một phần diện tích đất mà gia đình ông đã bị thu hồi từ năm 1991 lẽ ra UBND huyện Z phải bổ sung phương án bồi thường đất cho gia đình ông theo đúng diện tích bị thu hồi năm 1991. Do vậy, UBND huyện Z xác định hộ ông Nguyễn Trọng H, hộ bà Đinh Thị M Hoan và hộ ông Hoàng Văn A là đối tượng bị thu hồi đất có nguồn gốc là thửa đất số 194 tờ bản đồ số 2, Bản đồ địa chính năm 1985 mang tên ông Bùi Văn T, đã bị thu hồi năm 1991 và được bồi thường với diện tích đất này là không đúng.

Ông A cho rằng phần đất này gia đình ông đã sử dụng từ trước ngày 18/12/1980, đứng tên cha ông là cụ Bùi Văn T nên được coi là đất ở, đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất theo quy định Luật Đất đai qua các thời kỳ nên đủ điều kiện được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất. Năm 1991, Nhà nước đã thu hồi 155m<sup>2</sup> đất và sử dụng vào việc mở rộng tuyến đường 59 (nay là Quốc lộ XX), nằm trong quy hoạch hành lang an toàn đường bộ theo quy định tại Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành Điều lệ bảo vệ đường bộ; đã lắp đặt các công trình công cộng: đường dây điện, đường dây cáp quang, đường ống nước,... mà không có quyết định thu hồi đất đã vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 15 Luật Đất đai 1985. Năm 2019 UBND huyện Z đã ra Quyết định thu hồi đất bổ sung phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất đối với phần đất thu hồi năm 1991 thì ông phải là người được hưởng chứ không phải các hộ dân nêu trên. Các hộ dân nhận chuyển nhượng đất sau khi gia đình ông bị thu hồi năm 1991 nên không được công nhận là người sử dụng đất với một phần của diện tích 155m<sup>2</sup> đất này.

UBND huyện Z đã xác định không đúng người sử dụng đất của 155m<sup>2</sup> đất bị thu hồi năm 1991 có nguồn gốc từ thửa đất số 194, tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính năm 1985 dẫn đến việc xác định không đúng đối tượng bị thu hồi đất; người được nhận bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất. Ông Bùi Văn A đề nghị Tòa án: Hủy một phần Quyết định số 83 của UBND huyện Z về việc thu hồi đất bổ sung để GPMB thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Quốc lộ XX đoạn GG - Z qua địa bàn xã Y, huyện Z, tỉnh H có L quan đến diện tích đất thu hồi của hộ: ông Nguyễn Trọng H 27m<sup>2</sup>, bà Đinh Thị M Hoan 27.7m<sup>2</sup>, ông Hoàng Văn A 38.6m<sup>2</sup>. Hủy một phần Quyết định số 113 của UBND huyện Z về việc phê duyệt

bổ sung dự toán, phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ XX đoạn GG - Z qua địa bàn xã Y, huyện Z, tỉnh H đối với hộ ông H được bồi thường 27m<sup>2</sup> đất, hộ bà Hoan được bồi thường 27.7m<sup>2</sup>, hộ ông Việt được bồi thường 38.6m<sup>2</sup>, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ trả lại cho gia đình ông phần diện tích đất mà UBND huyện Z đã lập phương án bồi thường, đã trả tiền cho hộ trên.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện là UBND huyện Z trình bày quan điểm đối với người khởi kiện:*

- Về nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình ông Bùi Văn A:

Trước năm 1982, ông Bùi Văn T (là bố đẻ ông Bùi Văn A) có sử dụng thửa số 194, Tờ bản đồ số 2, Bản đồ địa chính xã Y lập năm 1985 với diện tích đất là 620m<sup>2</sup> (gồm: 340m<sup>2</sup> đất thổ cư, 280m<sup>2</sup> đất thổ canh) nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các giấy tờ tương đương. Sau đó ông Bùi Văn Thanh đã tặng cho con là ông Bùi Văn A toàn bộ hiện trạng đất đang sử dụng. Theo ông Bùi Văn A khai báo: Năm 1994 ông A đã tự chuyển nhượng 145m<sup>2</sup> đất thổ cư của Thửa đất số 194, Tờ bản đồ số 2 cho ông Nguyễn Tiến H (việc chuyển nhượng không thông qua cơ quan Nhà nước).

Năm 1998, UBND huyện Z cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ ông Bùi Văn A theo hiện trạng sử dụng đất đối với Thửa đất số 194, Tờ bản đồ số 2, Bản đồ địa chính xã Y lập năm 1985 với diện tích là 400m<sup>2</sup> gồm: 360m<sup>2</sup> đất ở, 40m<sup>2</sup> đất vườn (theo hồ sơ địa chính năm 1997 thuộc Thửa đất số 600, Tờ bản đồ số 2, Bản đồ địa chính xã Y chỉnh lý năm 1997). Đồng thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ ông Nguyễn Tiến H diện tích 150m<sup>2</sup> đất ở, thuộc Thửa đất số 194, Tờ bản đồ số 2, Bản đồ địa chính xã Y chỉnh lý năm 1997.

Năm 1999, hộ ông Bùi Văn A tiếp tục chuyển nhượng 182,5m<sup>2</sup> đất tại Thửa đất số 600, Tờ bản đồ số 2, Bản đồ địa chính xã Y năm 1997 cho hộ ông Đinh Văn Liệu. Năm 2000, ông Đinh Văn Liệu đã chuyển nhượng lại diện tích đất trên cho hộ bà Phạm Hồng Khuyên và hộ bà Phạm Hồng Khuyên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất ở 182,5m<sup>2</sup>.

Năm 2002, sau khi đo đạc vẽ bản đồ hiện trạng sử dụng đất, hộ ông Bùi Văn A đã được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 310,8 m<sup>2</sup> đất ở thuộc Thửa đất số 85, Tờ bản đồ số 49, Bản đồ địa chính xã Y lập năm 2002.

Năm 2009, ông A tiếp tục chuyển nhượng 182m<sup>2</sup> đất ở của Thửa đất số 85, Tờ bản đồ số 49 cho hộ ông Hà Duy Phúc tại Hợp đồng chuyển nhượng số 14/HĐ-CN ngày 27/3/2009 và hộ ông Hà Duy Phúc đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Diện tích đất còn lại của hộ ông Bùi Văn A tại thời điểm năm 2009 (sau khi đã chuyển nhượng) còn lại 128,8m<sup>2</sup> Thửa đất số 85, Tờ Bản đồ số 49, Bản đồ địa chính xã Y lập năm 2002.

- Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và việc ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ XX cho các hộ gia đình hiện nay ông Bùi Văn A đang đề nghị hủy quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:

Đối với hộ bà Đinh Thị M Hoan:

Năm 2005, hộ bà Đinh Thị M Hoan nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 182,5m<sup>2</sup> đất ở, của Thửa đất số 83, Tờ Bản đồ số 49, Bản đồ địa chính xã Y lập năm 2002 của hộ bà Phạm Hồng Khuyên, tại Hợp đồng chuyển nhượng số 22/HĐ-CN ngày 24/4/2005. Trên trích lục của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Hoan, Bản đồ địa chính xã Y năm 2002 thể hiện ranh giới của thửa đất như sau: Cạnh phía Đông giáp đất ông Việt, Cạnh phía Tây giáp đất ông H, Cạnh phía Bắc giáp đất bà Linh, cạnh phía Nam giáp Quốc lộ XX.

Khi thực hiện kiểm đếm bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ XX diện tích đất thực tế hộ bà Đinh Thị M Hoan đang sử dụng tăng so với diện tích ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 27,7m<sup>2</sup>. Diện tích đất tăng thêm trên được hộ gia đình sử dụng ổn định, có nguồn gốc trước ngày 21/12/1982, khi cơ quan Nhà nước lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn ghi nhận thửa diện tích đất cho hộ sử dụng đất. Trước thời điểm bồi thường giải phóng mặt bằng, việc sử dụng đất của hộ bà Đinh Thị M Hoan là ổn định, không có tranh chấp.

Căn cứ vào kết quả kiểm đếm, UBND huyện Z đã ban hành Quyết định số 83 thu hồi diện tích đất 27,7m<sup>2</sup> của hộ bà Đinh Thị M Hoan đang sử dụng, đồng thời ban hành Quyết định số 113 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đinh Thị M Hoan đối với phần đất và tài sản trên đất bị thu hồi.

Đối với hộ ông Hoàng Văn A:

Năm 2012, hộ ông Hoàng Văn A nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 182m<sup>2</sup> đất ở, Thửa đất số 149, Tờ Bản đồ số 49, Bản đồ địa chính xã Y lập năm 2002 của hộ ông Hà Duy Phúc tại Hợp đồng chuyển nhượng số 113/HĐ-CN ngày 07/10/2012. Trên trích lục của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Việt, Bản đồ địa chính xã Y lập năm 2002, thể hiện rõ ranh giới thửa đất cụ thể: Cạnh phía Đông giáp đất ông A, cạnh phía Tây giáp đất bà Hoan, cạnh phía Bắc giáp đất bà Linh, cạnh phía Nam giáp Quốc lộ XX.

Khi thực hiện kiểm đếm, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ XX, diện tích đất thực tế hộ gia đình ông Hoàng Văn A đang sử dụng tăng so với diện tích ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 38,6m<sup>2</sup>. Diện tích đất tăng thêm trên được hộ gia đình sử dụng ổn định, có nguồn gốc trước ngày 21/12/1982, khi cơ quan Nhà nước lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn ghi nhận thửa diện tích đất cho hộ sử dụng đất. Trước thời điểm bồi thường giải phóng mặt bằng, việc sử dụng đất của hộ ông Hoàng Văn A là ổn định, không có tranh chấp.

Căn cứ vào kết quả kiểm đếm, UBND huyện Z đã ban hành Quyết định số 83 thu hồi diện tích 38,6m<sup>2</sup> của hộ ông Hoàng Văn A đang sử dụng, đồng thời ban hành Quyết định số 113 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Hoàng Văn A đối với phần đất và tài sản trên đất bị thu hồi.

Đối với hộ ông Nguyễn Trọng H:

Năm 2000, hộ ông Nguyễn Trọng H đã nhận tặng cho quyền sử dụng đất từ bố để là ông Nguyễn Tiến Hồng với diện tích 143,9m<sup>2</sup> đất ở, thuộc thửa số 82, Tờ bản đồ số 49, trên Bản đồ địa chính xã Y lập năm 2002. Trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H, Bản đồ địa chính xã Y đều thể hiện rõ ranh giới thửa đất cụ thể: Cạnh phía Đông giáp đất bà Hoan, cạnh phía Tây giáp đất bà Tươi, cạnh phía Bắc giáp đất bà Hoan, cạnh phía Nam giáp Quốc lộ XX.

Khi thực hiện kiểm đếm bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ XX, diện tích đất thực tế hộ gia đình ông Nguyễn Trọng H đang sử dụng tăng so với diện tích ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 27m<sup>2</sup>. Diện tích đất tăng thêm trên được hộ gia đình sử dụng ổn định, có nguồn gốc trước ngày 21/12/1982, khi cơ quan Nhà nước lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn ghi nhận tH diện tích đất cho hộ sử dụng đất. Trước thời điểm bồi thường giải phóng mặt bằng, việc sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Trọng H là ổn định, không có tranh chấp.

Căn cứ vào kết quả kiểm đếm, UBND huyện Z đã ban hành Quyết định số 83 thu hồi diện tích đất 27m<sup>2</sup> của hộ gia đình ông Nguyễn Trọng H đang sử dụng và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời ban hành Quyết định số 113 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Trọng H đối với phần đất và tài sản trên đất bị thu hồi.

- Căn cứ theo Điều 75, 101, 102 Luật Đất đai năm 2013, Điều 20, 22, 23, 25, 27 và 28 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, UBND huyện Z xác định hộ ông Bùi Văn A không phải là đối tượng bị thu hồi đất và được bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 03 hộ gia đình (bà Hoan, ông Việt, ông H). Diện tích đất tăng thêm thuộc quyền sử dụng của 03 hộ trên và phải bồi thường cho các hộ đang thực tế sử dụng diện tích đất này.

Việc ông Bùi Văn A cho rằng Quyết định số 83 và Quyết định số 113 đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của hộ gia đình ông và ông phải là đối tượng thu hồi đất, được bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất của 03 hộ gia đình (bà Đình Thị M Hoan, ông Hoàng Văn A, ông Nguyễn Trọng H) là không có căn cứ. Ủy ban nhân dân huyện Z đề nghị Tòa án bác nội dung KH kiện của ông Bùi Văn A.

*Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

*Ý kiến của ủy ban nhân dân xã Y:* Hộ gia đình ông Bùi Văn A, năm 1997 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 02, thửa số 600 tổng diện tích là 400m<sup>2</sup> (gồm 360m<sup>2</sup> đất ở, đất vườn 40m<sup>2</sup>) sử dụng ổn định không có tranh chấp. Năm 2002, UBND xã Y đo đạc lại để lập bản đồ địa chính số, ông Nguyễn Khắc Ngọc được cấp đổi lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo hiện trạng sử dụng đất tại tờ bản đồ số 49, thửa số 85 với tổng diện tích 310,8m<sup>2</sup> đất ở, sử dụng ổn định không có tranh chấp. Sau khi có dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ XX. UBND huyện Z đã thành lập Hội đồng giải phóng mặt bằng, tổ chức kiểm đếm hoa màu, cây cối và vật kiến trúc xây dựng trên đất bị thu hồi, để hỗ trợ đền bù thu hồi đất thực hiện dự án. Sau khi kiểm đếm và lên phương án, Hội đồng giải phóng mặt bằng đã tổ chức niêm yết công khai tại các điểm khu dân cư có đất thu hồi và UBND xã Y, các hộ đều nhất trí không có ý kiến gì và ký tên vào phương án đền bù. Sau đó UBND huyện Z ra quyết định thu hồi đất và trả tiền cho các hộ. UBND xã Y đồng tình với quan điểm của UBND huyện Z tại các Quyết định 83 và 113 mà UBND đã ban hành về thu hồi đất và đền bù đối với các hộ để thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ XX.

*Ông Bùi Ngọc X, bà Bùi Thị Thoa, bà Bùi Thị Y, bà Nguyễn Thị S:*

Nhất nhất trí với trình bày trong đơn khởi kiện của ông Bùi Văn A và không bổ sung gì thêm, đề nghị Tòa chấp nhận yêu khởi kiện của ông Bùi Văn A.

*Ông Hoàng Văn A, bà Phạm Thị M trình bày:* Ông, bà có mua đất của anh Hà Quang Phúc quê ở Nghệ An; ông bà không mua đất của ông Bùi Văn A và cũng không có cam kết gì với gia đình ông A, đất ông Việt, bà M mua của ông Phúc, gia đình ông bà sử dụng ổn định không có bất kỳ tranh chấp gì, diện tích đất 180m<sup>2</sup> giáp đường 12B; gia đình ông bà nộp thuế cho nhà nước đầy đủ, có giấy sổ đỏ hợp pháp. Đến tháng 05/2019, nhà nước nâng cấp đường 12B, gia đình ông bà được ban giải phóng mặt bằng huyện Z đền bù đợt 1 là 8,1m<sup>2</sup> = 36.450.000 đồng, đợt 2 được 38,6m<sup>2</sup> = 173.700.000 đồng. Ông Việt, bà M đề nghị Tòa án xét xử đúng quy định của pháp luật, ông bà không chấp nhận đơn của ông Bùi Văn A.

*Bà Đinh Thị M Hoan trình bày:* Ngày 24/04/2005, bà có mua của bà Phạm Hồng Khuyên mảnh đất bám đường 12B với diện tích 182m<sup>2</sup> có xác nhận của UBND xã Y, có hợp đồng mua bán, sau đó bà đã hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà. Ngày 23/7/2015 tại biên bản kiểm kê tài sản hoa màu, đất đai của Hội đồng giải phóng mặt bằng, UBND huyện Z đã thu hồi của bà 5,7m<sup>2</sup> đất ở và toàn bộ tài sản trên đất số tiền đền bù là 42.000.000 đồng. Đợt 2 theo Quyết định 83 thu hồi của bà thêm 27,5m<sup>2</sup> đất, số tiền bồi thường là 124.650.000 đồng. Diện tích đất bà đã ở và sử dụng từ năm 2005 không có tranh chấp với ai và nộp thuế đủ cho nhà nước, bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn A, đề nghị Tòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, bác đơn khởi kiện của ông A.

*Y kiến của ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị Thanh B: Năm 1994, bà Hoàng Thị Hạnh (mẹ đẻ ông H) có mua của ông Bùi Văn A mảnh đất 145m<sup>2</sup> có vị trí: phía Nam giáp Quốc lộ XX đã được UBND xã Y xác nhận để chuyển quyền sử dụng đất, đến tháng 6/1998 gia đình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Tiến Hùng, đến tháng 7/2000, ông Hùng chuyển quyền sử dụng diện tích đất trên cho ông Nguyễn Trọng H, năm 2002 UBND huyện Z cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Trọng Hiêu, gia đình ông bà S sống hợp pháp trên mảnh đất này đã 20 năm không có ai tranh chấp. Theo chủ trương của UBND huyện Z về giải phóng mặt bằng Quốc lộ XX, gia đình ông bà đã chấp hành đầy đủ việc giải phóng mặt bằng đợt 1 và đợt 2. Quyết định số 83 và Quyết định 113 của UBND huyện Z là hoàn toàn đúng trình tự pháp luật và gia đình ông bà được hỗ trợ, đền bù là hoàn toàn đúng pháp luật, việc ông Bùi Văn A khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 83 và 113 là sai, đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.*

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 02/2020/HCST ngày 04/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh H quyết định:

*1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 3; Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 116; khoản 1 Điều 157 Luật tổ tụng Hành chính; Điều 66, Điều 69, Điều 75, Điều 101 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn A đề nghị: hủy một phần quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 về việc thu hồi đất bổ sung và hủy một phần Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 về việc phê duyệt bổ sung dự toán, phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ XX đoạn GG - Z của Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh H đối với các hộ: bà Đinh Thị M Hoan; ông Nguyễn Trọng H, bà Nguyễn Thị Thanh B; ông Hoàng Văn A, bà Đinh Thị M. Bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ trả lại cho gia đình ông Bùi Văn A phần diện tích đất mà UBND huyện Z đã lập phương án bồi thường, trả tiền cho các hộ: bà Hoan; ông H, bà B; ông Việt; bà M.*

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/09/2020 người khởi kiện là ông Bùi Văn A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị S (đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn A) giữ nguyên kháng cáo, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của gia đình bà. Xác định đất thu hồi bồi thường cho các hộ dân thực tế nguồn gốc là đất gia đình bà sử dụng trước đó đến năm 1990 bị thu hồi làm đường đi công cộng nhưng không bồi thường cho gia đình bà; hiện phần đất này không có công trình hạ tầng (giao thông, thông tin....) nhưng UBND lại bồi thường bổ sung cho các hộ dân nên gia đình không nhất trí. Bà S xác nhận trên bản đồ 1985 và



bản đồ 1997 về vị trí thửa đất của Cụ T và xác nhận ngoài việc đã chuyển nhượng các phần đất giáp quốc lộ 12 B (nay 3 hộ đang sử dụng) gia đình đã chuyển nhượng 1 phần đất phía sau đất hiện gia đình bà đang sử dụng, đã tách thửa số 601, nằm phía sau thửa 600 trên bản đồ 1997.

Các luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày quan điểm: Thực tế đất nay thu hồi bồi thường bổ sung cho 3 hộ, là đất có nguồn gốc hợp pháp của gia đình ông A, nhưng năm 1990 UBND đã thu hồi làm đường không bồi thường cho hộ gia đình và thực tế đã trở thành đất giao thông do cơ quan tổ chức quản lý nên thẩm quyền thu hồi là của UBND tỉnh H, không phải của UBND huyện Z. Thực tế các hộ dân cũng không sử dụng đất nhưng trình tự thủ tục thu hồi bồi thường không đúng chuyển thành đất hợp pháp để bồi thường, là sai. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn A.

Đại diện UBND huyện Z trình bày quan điểm: Diện tích thu hồi bồi thường bổ sung cho các hộ dân không phải đất thuộc hành lang giao thông đã cấm mốc, mà là đất do các hộ dân đang trực tiếp sử dụng, các hộ gia đình đều có GCN, do việc đo đạc qua các thời kỳ có chênh lệch sai số nên bồi thường bổ sung thêm để bảo đảm quyền lợi cho người sử dụng đất. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm. Đại diện UBND xã Y cùng quan điểm với UBND huyện Z.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Theo hồ sơ thu hồi đất thì các hộ dân đang trực tiếp sử dụng đất nên UBND huyện thu hồi là đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục. Về nội dung: Theo hồ sơ địa chính lập năm 1982 thì Cụ T sử dụng 880 m<sup>2</sup> đất trong đó có 260m<sup>2</sup> đất của Hợp tác xã. Không có căn cứ xác định năm 1990 UBND đã thu hồi lấy đất làm đường vào phần đất trong tờ bản đồ 1985 và năm 1995 đã cấp GCNQSD cho ông A, không có phần đất này và vẫn đủ diện tích đất hợp pháp của gia đình. Các hộ dân nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông A ổn định, không có tranh chấp, đều đã được cấp GCNQSD đất nên thu hồi được bồi thường là đúng. Kháng cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết đơn khởi kiện ngày 26/12/2019 của ông Bùi Văn A yêu cầu hủy phần Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 và Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của UBND huyện Z; yêu cầu UBND huyện Z bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông, là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính; Điều 204 Luật Đất đai.

Bản án sơ thẩm đã có đánh giá về tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành, về hình thức các quyết định hành chính bị kiện theo đúng quy định của luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Bùi Văn A:

Ông Bùi Văn A cho rằng diện tích thu hồi bổ sung giáp đường Quốc lộ XX của 3 hộ gia đình (hộ ông Nguyễn Trọng H 27m<sup>2</sup>, bà Đinh Thị M Hoan 27,7m<sup>2</sup>, ông Hoàng Văn A 38,6m<sup>2</sup>) được UBND huyện Z thu hồi, bồi thường và hỗ trợ bổ sung tại Quyết định số 83/QĐ-UBND và Quyết định 113/QĐ-UBND có nguồn gốc nằm trong 880m<sup>2</sup> đất của gia đình ông đã sử dụng từ trước 1982. Tuy nhiên gia đình ông A không GCNQSD đất hoặc giấy tờ hợp pháp khác về quyền sử dụng đất theo quy định và đến năm 1998 mới được cấp GCNQSD đất (lần đầu), thửa đất cấp GCN theo bản đồ lập 1997 mang số thửa 600 diện tích 400m<sup>2</sup> (phần còn lại sau khi đã chuyển nhượng tách thửa cho người khác).

Mặt khác, UBND huyện Z và UBND xã Y đều cho rằng nguồn gốc 880m<sup>2</sup> đất gia đình sử dụng đo năm 1985 có 260m<sup>2</sup> đất của Hợp tác xã quản lý và khi tiến hành cấp GCNQSD đất lần đầu (thuộc trường hợp Nhà nước công nhận quyền sử dụng) cho các hộ dân, trong đó có hộ gia đình ông Bùi Văn A, chỉ có 400m<sup>2</sup> đất, gồm: 360m<sup>2</sup> đất ở, 40m<sup>2</sup> đất vườn (theo hồ sơ địa chính năm 1997 thuộc thửa đất số 600, Tờ bản đồ số 2, Bản đồ địa chính xã Y chính lý năm 1997), đất tiếp giáp quốc lộ 12 B.

Thực tế, quá trình sử dụng, từ năm 1994 đến 2009, hộ gia đình ông A đã cắt chia dọc thửa đất tiếp giáp QL 12 chuyển nhượng cho 3 người, có hộ sau đó đã chuyển quyền cho người khác; và còn chuyển nhượng 1 phần đất phía sau đất không giáp QL12, tổng đã chuyển nhượng 4 phần, còn lại 1 phần; gia đình ông A đã bàn giao đất cho bên nhận chuyển nhượng sử dụng và người nhận chuyển nhượng đã làm thủ tục tách thửa được cấp GCNQSD đất; trong đó 3 thửa đất đều tiếp giáp đường Quốc lộ XX đã được các hộ dân sử dụng ổn định đến khi thu hồi, không có tranh chấp gì với gia đình ông A. Phần đất còn lại gia đình ông A vẫn đang sử dụng, cũng được bổ sung thu hồi và bồi thường thêm theo hiện trạng sử dụng. Phía hộ gia đình người khởi kiện cũng thừa nhận năm 1990 UBND đã cắm mốc giới hành lang giao thông theo Nghị định 203/CP năm 1982 và thừa nhận các hộ dân sử dụng đất nhận chuyển nhượng của gia đình giáp đất giao thông. Mặt khác, thời điểm cắm mốc giao thông như người khởi kiện trình bày thì hộ gia đình Cụ T (ông A) cũng chưa được cấp GCNQSD đất. Trong khi đó, theo UBND huyện, diện tích bồi thường thêm là đất do các hộ gia đình đang trực tiếp sử dụng ổn định, do đo đạc thực tế tăng so với diện tích ghi trong GCNQSD đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện UBND huyện Z và UBND xã Y đều khẳng định thu hồi và bồi thường bổ sung đất thuộc thửa đất đã cấp GCN cho các hộ dân chứ không phải bồi thường bổ sung đất đã thu hồi làm đường từ năm 1990.

Với các căn cứ nêu trên, UBND huyện Z ban hành Quyết định thu hồi và bồi thường bổ sung cho các hộ dân là đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, là có căn cứ. Người khởi kiện kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận.

[3] Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Bùi Văn A phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, tuy nhiên do ông A là người cao tuổi nên được miễn án

phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:*

1. Bác kháng cáo của ông Bùi Văn A và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Bùi Văn A.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 30/3/2021.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phan Thị Vân Hương**